

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ XANH Ở TỈNH CÀ MAU TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

DƯƠNG THỊ BÍCH HUYỀN
Trường Đại học Bạc Liêu

Nhận bài ngày 05/9/2026. Sửa chữa xong 07/10/2026. Duyệt đăng 21/10/2026.

Abstract

This study examines the theoretical foundations, policies, and current state of green economic development in Ca Mau Province through literature review, document analysis, and policy evaluation. The findings indicate that Ca Mau has considerable potential in the marine economy, aquaculture, mangrove forests, renewable energy, and ecotourism. However, its green transition is constrained by climate change, coastal erosion, inadequate infrastructure, limited technological capacity, workforce quality, weak value chain linkages, and restricted market access. The study proposes five groups of solutions focusing on infrastructure, science and technology, digital transformation, ecological agriculture, sustainable fisheries, workforce development, value chain linkages, market expansion, and resource mobilization.

Keywords: Ca Mau, climate change, ecological economy, green economy, sustainable development.

1. Đặt vấn đề

Kinh tế xanh đang trở thành xu hướng phát triển tất yếu trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Đối với Việt Nam, phát triển kinh tế xanh không chỉ góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững mà còn tạo động lực đổi mới mô hình sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Mặc dù tỉnh Cà Mau có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế xanh tuy nhiên quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh tại địa phương vẫn đối mặt với nhiều khó khăn như tác động ngày càng rõ của biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên, áp lực môi trường trong sản xuất thủy sản, hạn chế về nguồn lực đầu tư, công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, sự phát triển của năng lượng tái tạo, kinh tế biển, nông nghiệp sinh thái, du lịch xanh và các mô hình sản xuất tuần hoàn đang mở ra nhiều cơ hội mới cho Cà Mau. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng, nhận diện những cơ hội và thách thức, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển kinh tế xanh ở tỉnh Cà Mau trong bối cảnh hiện nay là cần thiết, góp phần định hướng phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và nâng cao sinh kế người dân.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm kinh tế xanh

Kinh tế xanh được đề cập đến lần đầu tiên bởi các nhà kinh tế môi trường Anh vào năm 1989, sau đó chính thức được sử dụng tại Hội nghị Thượng đỉnh của Liên Hợp quốc về phát triển bền vững vào tháng 6/2012 tại Rio de Janeiro, Brazil. Theo UNEP (Chương trình Môi trường của Liên Hợp Quốc), kinh tế xanh được định nghĩa là “nền kinh tế vừa mang lại hạnh phúc cho con người và công bằng xã hội, vừa giảm thiểu đáng kể các nguy cơ về môi trường và suy giảm sinh thái. Một nền kinh tế xanh có thể được coi là một nền kinh tế có lượng phát thải carbon thấp, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bao trùm xã hội”. Đây được coi là định nghĩa đầy đủ, chính xác nhất về kinh tế xanh, được các tổ chức quốc tế sử dụng rộng rãi. Với ý nghĩa cốt lõi là tăng trưởng kinh tế đảm bảo đồng thời mục tiêu bảo vệ môi trường,

Email: dtbhuyen@blu.edu.vn

sống trong sạch và bền vững, có thể hiểu một cách đơn giản, nội hàm của kinh tế xanh bao gồm: (i) Phát thải carbon thấp; (ii) sử dụng tài nguyên hiệu quả và (iii) bảo đảm công bằng xã hội.

2.2. Chính sách phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam

Ở Việt Nam, phát triển kinh tế xanh được hình thành và từng bước thể chế hóa trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững. Một dấu mốc quan trọng là ngày 25/9/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, tạo cơ sở chính sách đầu tiên mang tính tổng thể cho định hướng tăng trưởng xanh ở Việt Nam. Theo đó, tăng trưởng xanh được tiếp cận như một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, gắn tăng trưởng kinh tế với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Cách tiếp cận này cho thấy chuyển đổi xanh không chỉ tập trung vào giảm tác động môi trường mà còn hướng đến thay đổi phương thức sản xuất, tiêu dùng và tổ chức các hoạt động kinh tế.

Quan điểm phát triển xanh tiếp tục được khẳng định tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong đó nhấn mạnh yêu cầu chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường sống, đa dạng sinh học và hệ sinh thái; đồng thời xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thân thiện với môi trường. Đây là định hướng có ý nghĩa quan trọng trong việc gắn mục tiêu tăng trưởng kinh tế với yêu cầu nâng cao chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng. Qua đó, phát triển kinh tế xanh được đặt trong mối quan hệ thống nhất với đổi mới mô hình tăng trưởng, sử dụng hiệu quả nguồn lực và nâng cao tính bền vững của nền kinh tế.

Mục tiêu phát triển tăng trưởng xanh ở Việt Nam được cụ thể hóa theo hướng giảm cường độ phát thải khí nhà kính, tăng khả năng hấp thụ các-bon, sử dụng hiệu quả tài nguyên và làm giàu vốn tự nhiên. Trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chính phủ tiếp tục xác định tăng trưởng xanh là phương thức quan trọng để thực hiện phát triển bền vững, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Chiến lược đồng thời định hướng phát triển theo các trụ cột về giảm phát thải khí nhà kính, xanh hóa các ngành kinh tế và thúc đẩy lối sống, tiêu dùng bền vững. Điều này thể hiện sự chuyển biến từ cách tiếp cận chủ yếu dựa trên kiểm soát ô nhiễm sang cách tiếp cận chủ động tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng phát thải thấp và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

Cùng với định hướng chiến lược, hệ thống chính sách về tăng trưởng xanh ngày càng được hoàn thiện. Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, tạo cơ sở kết nối các mục tiêu phát triển bền vững với chính sách phát triển trong nước. Tiếp đó, Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016–2020, góp phần cụ thể hóa các nhiệm vụ về thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Năm 2021, việc ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg đã nâng tầm định hướng tăng trưởng xanh trong giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Một nội dung quan trọng của quá trình chuyển đổi xanh là kiểm soát và giảm phát thải khí nhà kính. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, tạo cơ sở pháp lý cho việc kiểm kê, giảm phát thải và triển khai các cơ chế liên quan đến các-bon. Bên cạnh đó, Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 ban hành danh mục lĩnh vực và cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, qua đó tăng cường cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý phát thải. Đáng chú ý, Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 02/5/2024 tiếp tục nhấn mạnh việc tăng cường quản lý tín chỉ các-bon nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), đồng thời thúc đẩy phát triển thị trường các-bon trong nước. Trên phương diện quốc tế, cam kết của Việt Nam tại COP26 năm 2021 về đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 đã tạo thêm động lực cho quá trình chuyển đổi xanh. Cam kết này được cụ thể hóa thông qua các chính sách về năng lượng, nông nghiệp, giao thông, công nghiệp, quản lý chất thải, sử dụng đất và lâm nghiệp. Đồng thời, các mục tiêu về giảm phát thải và tăng cường hấp thụ các-bon được tiếp tục cụ thể hóa trong các chiến lược và kế hoạch thực hiện cam kết khí hậu của Việt Nam.

Nhìn chung, quá trình phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam đã chuyển từ hình thành định hướng chính sách năm 2012 sang giai đoạn hoàn thiện thể chế, cụ thể hóa mục tiêu và triển khai các công cụ thực hiện, đặc biệt trong giảm phát thải khí nhà kính, phát triển năng lượng sạch, xanh hóa sản xuất, tiêu dùng bền vững và hình thành thị trường các-bon. Đây là cơ sở quan trọng để Việt Nam tiếp tục tái cơ cấu mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

2.3. Thực trạng phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam

Trải qua hơn một thập kỷ triển khai chiến lược kinh tế xanh dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng và Nhà nước, nhận thức của cộng đồng xã hội đã có chuyển biến sâu sắc. Nền kinh tế Việt Nam đạt được những tiến bộ vượt bậc: hành vi sản xuất và tiêu dùng liên tục được cải thiện, nhiều khu đô thị xanh hiện đại cùng các vùng nông thôn mới sinh thái dần định hình, giúp chất lượng cuộc sống nhân dân không ngừng gia tăng.

Giai đoạn 2020 -2025, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam có sự biến động đáng kể. Tăng trưởng xuống còn 2,55% năm 2021, sau đó phục hồi mạnh trong năm 2022. Dưới sự ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tốc độ tăng trưởng giảm còn 5,05% vào năm 2023, trước khi tăng lên 7,09% vào năm 2024. Đến năm 2025, tăng trưởng GDP tiếp tục duy trì đà tăng ấn tượng, đạt khoảng 8,02%, giúp Việt Nam kiên trì giữ vững vị thế thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ phát triển cao nhất khu vực và thế giới.

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2020–2025 (%)

Năm	2020	2021	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng GDP (%)	2,87	2,55	8,12	5,05	7,09	8,02

(Cục Thống kê, 2026)

Cơ cấu kinh tế giai đoạn 2024–2025 tiếp tục chuyển dịch tích cực theo đúng định hướng xanh hóa và bền vững. Tính đến cuối năm 2025, tỷ trọng khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản thu hẹp còn khoảng 11,64%; khu vực Công nghiệp và xây dựng chiếm 37,65%; khu vực Dịch vụ tăng trưởng mạnh lên mức 42,75%; và Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,96%.

Bảng 2: Cơ cấu kinh tế Việt Nam theo GDP năm 2025

Khu vực	Tỷ trọng (%)
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	11,64
Công nghiệp và xây dựng	37,65
Dịch vụ	42,75
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	7,96

(Cục Thống kê, 2026)

Giai đoạn 2024-2025, Việt Nam nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức tài chính và phát triển quốc tế. Trong đó, World Bank tiếp tục đồng hành thông qua các chương trình hỗ trợ phát triển hạ tầng xanh thích ứng với biến đổi khí hậu và chuyển dịch năng lượng. Tổng vốn cam kết dành cho Việt Nam vượt 28 tỷ USD góp phần bổ sung nguồn lực tài chính và kỹ thuật cho quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh phát triển bền vững và phát thải thấp. Từ bảng 2 cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xanh thể hiện rõ thông qua đóng góp của các ngành dịch vụ (42,75%), công nghiệp và xây dựng (37,65%) và các lĩnh vực có giá trị gia tăng lớn, đồng thời giảm mức độ phụ thuộc vào khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo hướng truyền thống. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực mà còn tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều chính sách khuyến khích doanh nghiệp đổi mới mô hình sản xuất, phát triển nông nghiệp xanh, sử dụng năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và kiểm soát phát thải nhà kính đặc biệt là CO₂.

2.4. Thuận lợi và những mặt hạn chế phát triển kinh tế xanh ở Cà Mau

2.4.1. Thuận lợi

Cà Mau nằm ở cực Nam Tổ quốc, là một trong năm tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, là tỉnh duy nhất ở Việt Nam có 3 mặt tiếp giáp biển (Biển Đông và Vịnh Thái Lan). Cà Mau có đường bờ biển dài khoảng 310 km và rộng gần 120.000 km². Qua đó, hình thành nhiều tiềm năng và thuận lợi trong phát triển kinh tế biển. Bên cạnh đó, hệ sinh thái rừng ngập mặn (95.000 ha) là nguồn tài nguyên sinh thái có giá trị góp phần bảo vệ vùng ven biển và hỗ trợ hấp thu lưu giữ carbon, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao khả năng ứng phó trước tác động của biến đổi khí hậu. Những lợi thế này tạo điều kiện cho Cà Mau phát triển kinh tế theo hướng xanh, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế biển, lâm nghiệp, thủy sản và các hoạt động liên quan đến thị trường carbon.

Trong sản xuất nông nghiệp, Cà Mau đẩy mạnh các mô hình canh tác và nuôi trồng thủy sản sinh thái như: tôm – lúa, tôm – rừng, tôm – cua – cá... với diện tích trên 197.000 ha. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh khoảng 460.000 ha trong đó diện tích nuôi tôm khoảng 534.000 ha. Bên cạnh đó, việc áp dụng các tiêu chuẩn và chứng nhận quốc tế như ASC, BAP và Organic góp phần nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm thủy sản Cà Mau trên thị trường trong nước và quốc tế.

Đồng thời, Cà Mau đang đẩy mạnh chuyển đổi mô hình nuôi tôm theo hướng công nghệ cao ít phát thải và đảm bảo tính bền vững. Trước yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế, chú trọng kiểm soát môi trường, dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm. Việc áp dụng các tiêu chuẩn và chứng nhận quốc tế được khuyến khích nhằm nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của tôm Cà Mau và tăng cường liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ, kết hợp chuyển đổi số trong quản lý vùng nuôi và giám sát chất lượng. Các hoạt động quảng bá thương hiệu và mở rộng thị trường cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao giá thương hiệu tôm Cà Mau trên thị trường quốc tế.

Về phát triển nông nghiệp sinh thái: Được mệnh danh là “thủ phủ tôm”, Cà Mau hiện có hơn 450.000 ha nuôi tôm, chiếm hơn 50% diện tích nuôi tôm cả nước; kim ngạch xuất khẩu thủy sản khoảng 2,5 tỉ USD/năm. Việc mở rộng các vùng sản xuất đáp ứng điều kiện tiêu chuẩn không chỉ góp phần nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh mà còn tạo tiền đề để hình thành các mô hình canh tác phù hợp với điều kiện tự nhiên, trong đó mô hình tôm – lúa được xem là hướng sản xuất có nhiều triển vọng. Mô hình kết hợp nuôi tôm và canh tác lúa dựa trên việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất, nước và hạn chế đầu vào hoá học góp phần cân bằng sinh thái, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và từng bước hình thành nền nông nghiệp xanh, bền vững tại Cà Mau.

Với tiềm năng lớn về điện gió, tỉnh đang từng bước hình thành trung tâm năng lượng sạch, hướng tới xây dựng một trung tâm năng lượng tái tạo có quy mô của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 14 nhà máy điện gió được đưa vào vận hành với công suất 694,2 MW. Đồng thời, nhiều dự án mới đang tiếp tục triển khai và thu hút đầu tư. Cà Mau đặt mục tiêu đến năm 2030 nâng tỉ trọng năng lượng tái tạo lên khoảng 40 - 45% cơ cấu công suất phát điện, đồng thời nghiên cứu các hướng phát triển hydrogen xanh, ammonia xanh.

2.4.2. Những mặt hạn chế

Tác động của biến đổi khí hậu và sạt lở bờ biển. Cà Mau là một trong những địa phương chịu tác động rõ nét của biến đổi khí hậu (nước biển dâng, xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở bờ biển...). Sạt lở diễn ra tại nhiều khu vực ven biển làm suy giảm diện tích rừng ngập mặn, sinh thái vùng ven biển và ảnh hưởng đến đa dạng sinh học. Cà Mau có thể mất khoảng 200 - 300 ha rừng ngập mặn do sạt lở. Bên cạnh đó, diễn biến bất thường của thời tiết, hạn hán và xâm nhập mặn đặt ra nhiều thách thức trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sinh kế của người dân.

Hạ tầng và khả năng huy động các nguồn lực chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của chuyển đổi xanh. Tại Cà Mau, hệ thống giao thông, logistics, thủy lợi, năng lượng và hạ tầng phục vụ sản xuất công nghệ cao cần tiếp tục được đầu tư và hoàn thiện theo hướng đồng bộ. Đối với tài nguyên rừng, mặc dù Cà Mau có tiềm năng lớn trong hấp thụ và lưu trữ carbon, nhưng việc xây dựng cơ sở dữ liệu carbon, hoàn thiện

hồ sơ pháp lý và cơ chế phân chia lợi ích từ tín chỉ carbon cần được quan tâm hơn nữa. Bên cạnh đó, sự kết nối giữa vùng nguyên liệu, cơ sở chế biến và thị trường tiêu thụ ở một số nơi chưa thật sự thuận tiện, làm phát sinh nhiều chi phí, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và hiệu quả trong chuỗi giá trị.

Nguồn nhân lực và năng lực ứng dụng khoa học công nghệ còn chưa đồng đều. Nhiều hộ sản xuất và doanh nghiệp quy mô nhỏ gặp khó khăn trong tiếp cận vốn, thiết bị và công nghệ, nhất là khi chi phí đầu tư ban đầu cho các hệ thống tự động hoá, quan trắc môi trường, truy xuất nguồn gốc hay các giải pháp tiết kiệm năng lượng thường tương đối lớn. Phát triển kinh tế xanh không chỉ cần lao động có tay nghề chuyên môn mà còn đòi hỏi lực lượng lao động có kiến thức và công nghệ sạch, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, năng lượng tái tạo, môi trường. Tuy nhiên, đội ngũ nhân lực được đào tạo chuyên sâu ở những lĩnh vực này vẫn còn thiếu và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thực tiễn.

2.5. Một số giải pháp phát triển kinh tế xanh ở Cà Mau

2.5.1. Đầu tư và hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xanh: Cà Mau cần tập trung nguồn lực đầu tư để nâng cấp giao thông, logistics, điện, cấp thoát nước và hệ thống xử lý chất thải tại các vùng sản xuất tập trung. Hạ tầng giữa cơ sở chế biến, vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ cần được kết nối thuận lợi hơn để giảm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh. Trong lĩnh vực thủy sản, cần quy hoạch vùng theo hướng tập trung, hoàn thiện hệ thống cấp thoát nước nhằm giảm tác động đến môi trường. Việc quy hoạch và lựa chọn công nghệ nên ưu tiên những công trình tiết kiệm năng lượng, sử dụng tài nguyên có hiệu quả và có khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu thay đổi. Trước tác động ngày càng rõ của biến đổi khí hậu, các dự án hạ tầng phải gắn với yêu cầu phòng chống sạt lở, nước biển dâng, xâm nhập mặn và bảo vệ bờ biển.

2.5.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất: Khoa học và công nghệ có vai trò quan trọng trong nâng cao năng suất, tiết kiệm tài nguyên và giảm tác động môi trường. Vì vậy, Cà Mau cần có những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất tiếp cận các công nghệ hiện đại phù hợp với quy mô và điều kiện thực tế. Trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản cần khuyến khích ứng dụng hệ thống quan trắc tự động, cảm biến môi trường, công nghệ quản lý chất lượng nước, kiểm soát dịch bệnh và quản lý thức ăn. Trong lĩnh vực trồng trọt, cần ưu tiên đổi mới thiết bị, tiết kiệm năng lượng, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, sử dụng hiệu quả phụ phẩm và nâng cao giá trị gia tăng. Bên cạnh đó, chuyển đổi số cần được triển khai trong quản lý môi trường, tài nguyên rừng và thị trường... Việc xây dựng cơ sở dữ liệu có khả năng kết nối giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người sản xuất sẽ giúp cập nhật thông tin nhanh hơn, theo dõi nguồn nguyên liệu và hỗ trợ quản lý môi trường.

2.5.3. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao tiềm năng phát triển kinh tế xanh: Phát triển kinh tế không chỉ cần công nghệ và nguồn vốn mà còn phụ thuộc nhiều vào chất lượng nhân lực. Do đó, Cà Mau cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về kinh tế tuần hoàn, sản xuất xanh, quản lý môi trường, chuyển đổi số, quản lý carbon và năng lượng tái tạo. Nội dung đào tạo phải gắn với nhu cầu thực tế của từng ngành. Các cơ sở giáo dục cần tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo. Đồng thời, tỉnh cần hình thành đội ngũ cán bộ kỹ thuật có khả năng hướng dẫn người dân áp dụng công nghệ, các tiêu chuẩn sản xuất và giải pháp quản lý môi trường. Việc nâng cao năng lực nguồn nhân lực sẽ tạo nền tảng cho quá trình đổi mới sản xuất. Từ đó, năng suất lao động được cải thiện, khả năng tiếp cận công nghệ được nâng lên, góp phần giúp doanh nghiệp và người sản xuất có điều kiện tốt hơn với yêu cầu của thị trường cũng như xu hướng chuyển đổi xanh.

2.5.4. Phát triển nông nghiệp sinh thái và các mô hình sản xuất thủy sản bền vững: Với lợi thế diện tích nuôi trồng thủy sản lớn và hệ thái rừng ngập mặn, Cà Mau có điều kiện để phát triển các mô hình sản xuất theo hướng sinh thái như tôm – rừng, tôm – lúa, tôm – cua – cá kết hợp, gác kèo ong trong rừng tràm... Vì vậy cần mở rộng các mô hình nhưng phải phù hợp với điều kiện tự nhiên và đặc điểm sản xuất của từng vùng. Đối với rừng ngập mặn, cần tăng cường bảo vệ và phục hồi rừng gắn với sinh kế của người dân địa phương. Việc kết hợp rừng với nuôi trồng thủy sản sinh thái và du

lịch trải nghiệm có thể tạo thêm thu nhập, đồng thời nâng cao giá trị của tài nguyên tự nhiên. Bên cạnh đó, Cà Mau cần từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về diện tích rừng, khả năng hấp thụ và lưu giữ carbon. Đây là cơ sở để địa phương nghiên cứu tham gia vào các cơ chế liên quan đến tín chỉ carbon trong thời gian tới.

2.5.5. Tăng cường liên kết chuỗi giá trị, mở rộng thị trường và huy động nguồn lực cho kinh tế xanh: Để nâng cao hiệu quả chuyển đổi xanh, Cà Mau cần tăng cường mối liên kết giữa hộ sản xuất, hợp tác xã, nhà phân phối, doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ. Trước hết, cần xây dựng các chuỗi liên kết ổn định từ khâu sản xuất, thu mua, chế biến đến tiêu thụ. Trong đó, doanh nghiệp đóng vai trò đầu mối kết nối thị trường, phối hợp xây dựng và chuẩn hoá vùng nguyên liệu. Đồng thời, đẩy mạnh thương mại điện tử, quảng bá sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu đối với các sản phẩm đáp ứng tiêu chí xanh. Đối với những sản phẩm có thể mạnh như tôm sinh thái, tôm – rừng, tôm – lúa và các mặt hàng nông nghiệp thân thiện với môi trường, cần chú trọng xây dựng thương hiệu gắn với nguồn gốc, chất lượng và đặc trưng vùng miền. Ngoài ra, cần có chính sách hỗ trợ về chi phí chứng nhận, vốn tín dụng và tham gia chuỗi liên kết với doanh nghiệp. Bên cạnh ngân sách nhà nước, tỉnh cần chủ động thu hút vốn tín dụng, nguồn vốn từ doanh nghiệp, đầu tư xã hội hoá và hợp tác quốc tế. Nguồn lực này có thể ưu tiên cho các dự án như dự án bảo vệ rừng, dự án giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển năng lượng tái tạo. Việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẽ góp phần mở rộng đầu tư, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh.

3. Kết luận

Phát triển kinh tế xanh là xu hướng tất yếu trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững ở Việt Nam. Những năm qua, hệ thống chính sách về tăng trưởng xanh dần dần được hoàn thiện, tạo điều kiện cho việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải nhà kính và bảo vệ môi trường. Nghiên cứu tập trung phân tích cơ sở lý luận, chính sách, thực trạng phát triển kinh tế xanh tại tỉnh Cà Mau thông qua phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu. Kết quả cho thấy địa phương có nhiều lợi thế về kinh tế biển, rừng ngập mặn, nuôi trồng thủy sản và năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn về hạ tầng, nguồn vốn, khoa học công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và liên kết thị trường, đồng thời chịu tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu. Từ đó, nghiên cứu đề xuất năm nhóm giải pháp trọng tâm góp phần khai thác hiệu quả tiềm năng sinh thái, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh bền vững tại Cà Mau.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2022). *Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 7/1/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.*
- Cục Thống kê (2026). *Báo cáo tình hình thống kê kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025.*
- Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25./9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.*
- Thủ tướng Chính phủ (2017a). *Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016–2020.*
- Thủ tướng Chính phủ (2017b). *Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.*
- Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050.*
- Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.*
- Thủ tướng Chính phủ (2024). *Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 2/5/2024 về tăng cường công tác quản lý tín chỉ carbon nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định.*
- United Nations Environment Programme (2011). *Towards a green economy: Pathways to sustainable development and poverty eradication.*
- United Nations Environment Programme (2021). *Making peace with nature: A scientific blueprint to tackle the climate, biodiversity and pollution emergencies.*